|  |  |
| --- | --- |
| UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG  **SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hải Phòng, ngày tháng 9 năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH**

**ĐIỀU KIỆN, MỨC VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỖ TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO,**

**KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

| **QUY PHẠM PHÁP LUẬT**  **HIỆN HÀNH** | | **DỰ THẢO VĂN BẢN** | **THUYẾT MINH** | **SO SÁNH VỚI CÁC ĐỊA PHƯƠNG** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nghị định số 80/2021/NĐ-CP** | **Nghị quyết số 226/2025/QH15** | **Thành phố**  **Hồ Chí Minh**  (Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND) | **Đà Nẵng**  (Nghị quyết số 54/2024/NQ-HĐND) |
|  |  | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị quyết này quy định điều kiện, nội dung, mức và trình tự, thủ tục hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách thành phố cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng quy định tại Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 226/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hải Phòng. | Theo Nghị quyết số 226/2025/QH15 | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị quyết này quy định lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí, điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1, Điều 8 và điểm a khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Nghị quyết này quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị và thí điểm thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng. |
| Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo | **Điều 7. Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo**  1. Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo;  2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  **1.** Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân).  **2.** Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng (sau đây gọi là doanh nghiệp).  **3.** Tổ chức, cá nhân có liên quan. | Theo Nghị quyết số 226/2025/QH15 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp có dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo thuộc các lĩnh vực ưu tiên của Thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  Cá nhân, nhóm cá nhân (gọi tắt là cá nhân), tổ chức có dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. |
|  |  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  **1.** Cá nhân bao gồm cá nhân, nhóm cá nhân thực hiện hoạt động khởi nghiệp sáng tạo.  **2.** Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo là dự án trong giai đoạn hoàn thiện ý tưởng thông qua các hoạt động nghiên cứu sản phẩm/dịch vụ/ giải pháp, kiểm chứng ý tưởng, nghiên cứu thị trường và lập kế hoạch khả thi phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp.  **3.** Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn ươm tạo là dự án trong giai đoạn phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, hoàn thiện mô hình kinh doanh và chiến lược phát triển thông qua các hoạt động: Tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.  **4.** Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tăng tốc là dự án trong giai đoạn đã có sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, khách hàng và đang có nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm nhà đầu tư thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là các quỹ đầu tư mạo hiểm, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác. | Tham khảo từ Nghị quyết của Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  Trong nghị quyết này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  1. Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo là dự án trong giai đoạn hoàn thiện ý tưởng thông qua các hoạt động nghiên cứu sản phẩm/ dịch vụ/ giải pháp, kiểm chứng ý tưởng, nghiên cứu thị trường và lập kế hoạch khả thi phát triển sản phẩm/ dịch vụ/ giải pháp.  2. Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn ươm tạo là dự án trong giai đoạn phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, hoàn thiện mô hình kinh doanh và chiến lược phát triển thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.  3. Dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tăng tốc là dự án trong giai đoạn đã có sản phẩm/ dịch vụ/ giải pháp, khách hàng và đang có nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm nhà đầu tư thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là các quỹ đầu tư mạo hiểm, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  **1.** Dự án khởi nghiệp sáng tạo là dự án sản xuất, kinh doanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, có khả năng tăng trưởng nhanh.  **2.** Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian để hoàn thiện ý tưởng; hoàn thiện và phát triển sản phẩm hoặc mở rộng thị trường, kết nối nhà đầu tư. Các dự án ở giai đoạn này có thể hình thành hoặc chưa hình thành doanh nghiệp.  a) Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo là dự án trong giai đoạn hoàn thiện ý tưởng thông qua các hoạt động nghiên cứu sản phẩm/dịch vụ/ giải pháp, kiểm chứng ý tưởng, nghiên cứu thị trường và lập kế hoạch khả thi phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp.  b) Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn ươm tạo là dự án trong giai đoạn phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, hoàn thiện mô hình kinh doanh và chiến lược phát triển thông qua các hoạt động: Tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.  c) Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tăng tốc là dự án trong giai đoạn đã có sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, khách hàng và đang có nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm nhà đầu tư thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là các quỹ đầu tư mạo hiểm, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.  **3.** Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp là dự án đã có sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, khách hàng và đang phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường. Ở giai đoạn này, dự án đã hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. |
|  |  | **Điều 4. Phương thức hỗ trợ**  1. Phương thức hỗ trợ trước (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo): Hỗ trợ thông qua các Trung tâm đổi mới sáng tạo/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo (sau đây gọi là tổ chức trung gian) trước khi thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở thuyết minh nhiệm vụ sẽ thực hiện.  2. Phương thức hỗ trợ sau (áp dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo): Hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách sự nghiệp khoa học công nghệ trên cơ sở xem xét kết quả đã thực hiện và các hồ sơ chứng từ có liên quan. | Tham khảo từ Nghị quyết của Đà Nẵng |  | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  **4.** Phương thức hỗ trợ trước là phương thức hỗ trợ trước khi thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở xem xét thuyết minh nhiệm vụ sẽ thực hiện.  **5.** Phương thức hỗ trợ sau là phương thức hỗ trợ sau khi dự án được thực hiện trên cơ sở xem xét kết quả đã thực hiện và các hồ sơ chứng từ có liên quan. |
|  |  | **Điều 5. Điều kiện hỗ trợ**  1. Đối với tổ chức, cá nhân:  a) Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giai đoạn đề xuất hỗ trợ của dự án.  b) Có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo.  c) Tổ chức trung gian phải có tư cách pháp nhân, được công nhận theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo, hoạt động trên địa bàn thành phố Hải Phòng.  2. Đối với doanh nghiệp:  a) Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ.  b) Có hồ sơ, tài liệu minh chứng hợp lệ liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ.  c) Được công nhận hoặc xác nhận là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo bởi cơ quan có thẩm quyền. | Tham khảo 1 phần từ Nghị quyết của Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. | **Điều 6. Mức hỗ trợ, nội dung, điều kiện hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo**  3. Điều kiện hỗ trợ từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh: Tại thời điểm đăng ký dự án chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Thành phố cho giai đoạn tiền ươm tạo.  **Điều 7. Mức hỗ trợ, nội dung, điều kiện hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn ươm tạo**  3. Điều kiện hỗ trợ từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh: tại thời điểm đăng ký dự án chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Thành phố cho giai đoạn ươm tạo.  **Điều 8. Mức hỗ trợ, nội dung, điều kiện hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tăng tốc**  3. Điều kiện hỗ trợ từ ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh: tại thời điểm đăng ký dự án chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Thành phố cho giai đoạn tăng tốc. | **Điều 5. Điều kiện hỗ trợ**  **1.** Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng điều kiện: Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giai đoạn đề xuất hỗ trợ của dự án.  **2.** Đối với doanh nghiệp và tổ chức trung gian phải đảm bảo điều kiện tại khoản 1 Điều 5 và chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động.  **3.** Tổ chức trung gian phải có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.  **4.** Doanh nghiệp phải đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.  **5.** Trường hợp doanh nghiệp lựa chọn đề nghị hỗ trợ phát triển dự án theo phương thức hỗ trợ sau thì hồ sơ chứng từ có liên quan của dự án phải trong thời gian có hiệu lực của Nghị quyết này và trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng. |
| **Điều 25. Nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị**  1. Hỗ trợ đào tạo  a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tổ chức khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên sâu tại doanh nghiệp nhưng không quá 50 triệu đồng/khoá/năm/doanh nghiệp;  b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đào tạo cho học viên của doanh nghiệp khi tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu theo nhu cầu phát triển của ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 03 học viên/doanh nghiệp/năm.  2. Hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh  a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;  b) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.  3. Hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường  a) Miễn phí tra cứu thông tin về các sự kiện kết nối với doanh nghiệp đầu chuỗi, quy trình tìm kiếm, xác định nhu cầu đặt hàng của các doanh nghiệp đầu chuỗi trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  b) Miễn phí tra cứu thông tin về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên Cổng thông tin và các trang thông tin điện tử của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  c) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;  d) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử quốc tế;  đ) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia tại hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 70 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;  e) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;  g) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.  4. Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng  a) Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 10 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 50 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;  b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;  c) Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 20 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.  5. Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng  a) Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;  b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí đặt hàng các cơ sở, viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;  c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp. | **Điều 7. Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo**  2. Ngân sách thành phố hỗ trợ không hoàn lại cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm:  b) Chi phí cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo bao gồm: hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, trung tâm thử nghiệm kiểm định, giám định, khu làm việc chung; tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình mới; tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp; đào tạo, huấn luyện chuyên sâu; khai thác thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo | **Điều 6. Nội dung, mức hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp**  1. Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm, trung tâm thử nghiệm kiểm định, giám định, khu làm việc chung:  a) Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;  b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng không quá 10 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa là 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp ký hợp đồng thuê mặt bằng.  2. Hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ  a) Hỗ trợ 35 triệu đồng đối với 01 văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích/giống cây trồng mới trong nước;  b) Hỗ trợ 15 triệu đồng đối với 01 văn bằng bảo hộ đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu trong nước;  c) Hỗ trợ 60 triệu đồng đối với 01 văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới ở nước ngoài.  3. Hỗ trợ triển khai các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng  a) Hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với chi phí xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở.  b) Hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với chi phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.  c) Hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với chi phí tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc.  d) Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với chi phí xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam/quốc tế.  4. Hỗ trợ thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình mới:  Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng hoặc chi phí thực hiện dự án nhưng tối đa không quá 300 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với các hoạt động bao gồm: thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, công nghệ, mô hình mới.  5. Hỗ trợ chi phí tìm kiếm, lựa chọn, giải mã và chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp  Hỗ trợ tối đa 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm, lựa chọn/hợp đồng giải mã/hợp đồng chuyển giao công nghệ phù hợp với doanh nghiệp nhưng không quá 300 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.  6. Hỗ trợ chi phí đào tạo, huấn luyện chuyên sâu:  a) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo chuyên sâu trong nước cho học viên của doanh nghiệp về xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; phát triển thương mại điện tử; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học nhưng không quá 10 triệu đồng/học viên/năm và không quá 05 học viên/doanh nghiệp/năm;  b) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các khoá đào tạo, huấn luyện chuyên sâu ngắn hạn ở nước ngoài nhưng không quá 100 triệu đồng/học viên/năm và không quá 02 học viên/doanh nghiệp/năm.  7. Hỗ trợ khai thác thông tin, truyền thông, xúc tiến thương mại, kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo:  a) Hỗ trợ tối đa 50% giá trị hợp đồng tư vấn đăng ký thành công tài khoản bán sản phẩm, dịch vụ trên các sàn thương mại điện tử quốc tế nhưng không quá 200 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp;  c) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí duy trì tài khoản trên các sàn thương mại điện tử trong nước và quốc tế nhưng không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp và không quá 02 năm kể từ thời điểm doanh nghiệp đăng ký thành công tài khoản trên sàn thương mại điện tử;  d) Hỗ trợ chi phí thuê địa điểm, thiết kế và dàn dựng gian hàng, vận chuyển sản phẩm trưng bày, chi phí đi lại, chi phí ăn, ở cho đại diện của doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại nhưng không quá 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức trong nước và không quá 100 triệu đồng/năm/doanh nghiệp đối với sự kiện tổ chức ở nước ngoài;  đ) Hỗ trợ tối đa 50% chi phí tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo nhưng không quá 60 triệu đồng/cuộc thi/năm/doanh nghiệp.  8. Doanh nghiệp có thể đề xuất hỗ trợ cùng một lúc nhiều nội dung. Tổng mức hỗ trợ theo quy định tại Điều này không quá 01 (một) tỷ đồng/năm/doanh nghiệp. | Tham khảo từ Nghị quyết của Đà Nẵng và Nghị định 80/2021/NĐ-CP. Trong đó, nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn và quy mô phát triển của thành phố:  + mức hỗ trợ tại các khoản 2,4,5,8 bằng mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết của Đà Nẵng;  + mức hỗ trợ tại các khoản 1,3,6,7 gấp đôi quy định tại Nghị định 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ (đã ban hành cách đây 4 năm). |  | **Điều 7. Nội dung, mức hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp**  1. Nội dung hỗ trợ  a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo;  b) Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.  **2.** Mức hỗ trợ  a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo tối đa 400 triệu đồng/dự án  Định mức lập dự toán tiền công lao động theo quy định tại điểm a khoản 1 mục II Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.  b) Mức hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo  Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia trong nước: Mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/chuyên gia. Trong trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/chuyên gia;  Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia quốc tế: Doanh nghiệp căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia,  thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia làm cơ sở phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.  c) Mức hỗ trợ chi phí dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tối đa 200 triệu đồng/dự án, trong đó:  Hỗ trợ hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý: Hỗ trợ tối đa 150 triệu/dự án;  Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt;  Hỗ trợ hoạt động sở hữu trí tuệ, bao gồm: Hỗ trợ 35 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế/giải pháp hữu ích/giống cây trồng mới trong nước; hỗ trợ kinh phí 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu trong nước; hỗ trợ 60 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới ở nước ngoài.  d) Mức hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung:  Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng tối đa 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;  Hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng tối đa 15 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp;  Hỗ trợ kinh phí thuê không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp.  Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.  đ) Hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ để phát triển dự án cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng.  Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.  **3.** Tổng mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều này tối đa 01 (một) tỷ đồng/dự án. |
|  | **Điều 7. Về quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo**  2. Ngân sách thành phố hỗ trợ không hoàn lại cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, bao gồm:  a) Chi phí ươm tạo, phát triển dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo bao gồm: chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chi phí sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; | **Điều 7. Nội dung, mức hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân thông qua tổ chức trung gian**  1. Nội dung:  Hỗ trợ chi phí ươm tạo, phát triển dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo và tăng tốc với các nội dung sau:  a) Tiền công lao động trực tiếp: chi phí cho tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp thực hiện dự án (chi phí này được tính vào dự toán hỗ trợ và chi trả thông qua tổ chức trung gian).  b) Chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung.  2. Mức hỗ trợ  a) Dự án ở giai đoạn tiền ươm tạo:  Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 15 triệu đồng/dự án;  Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 45 triệu đồng/dự án.  b) Dự án ở giai đoạn ươm tạo  Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 225 triệu đồng/dự án;  Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 375 triệu đồng/dự án.  c) Dự án ở giai đoạn tăng tốc  Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 45 triệu đồng/dự án;  Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 75 triệu đồng/dự án. | Tham khảo từ Nghị quyết của thành phố Hồ Chí Minh, trong đó, mức hỗ trợ tổng 3 giai đoạn bằng 1,5 lần so với Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND của thành phố Hồ Chí Minh (đã ban hành cách đây 2 năm). | **Điều 6. Mức hỗ trợ, nội dung, điều kiện hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo**  1. Mức hỗ trợ 40 triệu đồng/dự án và thời gian hỗ trợ không quá 6 tháng/dự án.  2. Nội dung hỗ trợ:  a) Tiền công lao động trực tiếp cho cá nhân, nhóm cá nhân thực hiện dự án: 10 triệu đồng/dự án.  b) Hỗ trợ chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; chi phí sử dụng các dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung: 30 triệu đồng/dự án.  3. Điều kiện hỗ trợ từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh: Tại thời điểm đăng ký dự án chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Thành phố cho giai đoạn tiền ươm tạo.  **Điều 7. Mức hỗ trợ, nội dung, điều kiện hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn ươm tạo**  1. Mức hỗ trợ 80 triệu đồng/dự án và thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng/dự án.  2. Nội dung hỗ trợ:  a) Tiền công lao động trực tiếp cho cá nhân, nhóm cá nhân thực hiện dự án: 30 triệu đồng/dự án.  b) Hỗ trợ chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; chi phí sử dụng các dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung: 50 triệu đồng/dự án.  3. Điều kiện hỗ trợ từ ngân sách Thành phố Hồ Chí Minh: tại thời điểm đăng ký dự án chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Thành phố cho giai đoạn ươm tạo.  **Điều 8. Mức hỗ trợ, nội dung, điều kiện hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tăng tốc**  1. Mức hỗ trợ 400 triệu đồng/dự án và thời gian hỗ trợ không quá 12 tháng/dự án. Ưu tiên cho các dự án có đối ứng từ các nhà đầu tư khác.  2. Nội dung hỗ trợ:  a) Tiền công lao động trực tiếp cho cá nhân, nhóm cá nhân thực hiện dự án: 150 triệu đồng/dự án.  b) Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia; chi phí sử dụng các dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung: 250 triệu đồng/dự án.  3. Điều kiện hỗ trợ từ ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh: tại thời điểm đăng ký dự án chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Thành phố cho giai đoạn tăng tốc. | **Điều 6. Nội dung, mức hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian**  1. Nội dung hỗ trợ  a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo;  b) Hỗ trợ chi phí cho tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.  2. Mức hỗ trợ  a) Dự án ở giai đoạn tiền ươm tạo  Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 10 triệu đồng/dự án;  Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 20 triệu đồng/dự án.  b) Dự án ở giai đoạn ươm tạo  Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 20 triệu đồng/dự án;  Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 40 triệu đồng/dự án.  c) Dự án ở giai đoạn tăng tốc  Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 30 triệu đồng/dự án;  Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 50 triệu đồng/dự án. |
|  |  | **Điều 8. Trình tự, thủ tục xét, duyệt hồ sơ, kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ hỗ trợ tổ chức, cá nhân thông qua tổ chức trung gian (theo phương thức hỗ trợ trước)**  Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước. |  |  | **Điều 9. Trình tự, thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian và dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ trước**   1. Trình tự thực hiện  a) Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này đăng ký tham gia các chương trình tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian. Tổ chức trung gian tổ chức tuyển chọn các dự án khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc;  b) Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đề xuất hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo để các tổ chức trung gian, doanh nghiệp biết và đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ;  c) Tổ chức trung gian, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo nộp hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo về Sở Khoa học và Công nghệ;  d) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;  đ) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ  Trong 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ. Quy định về việc thành lập Hội đồng tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.  Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng, trong 05 (năm) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị tổ chức trung gian/doanh nghiệp bổ sung, làm rõ thêm nội dung đề xuất và các hồ sơ liên quan (nếu có). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc.  Trường hợp không hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ cho tổ chức, doanh nghiệp.  e) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định kinh phí  Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được thuyết minh nhiệm vụ hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định kinh phí hỗ trợ. Quy định về việc thành lập Tổ thẩm định tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.  g) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định phê duyệt đơn vị chủ trì và kinh phí hỗ trợ (theo Mẫu 04.QĐPD tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này), ký kết Hợp đồng hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ.  **2.** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.  **3.** Thành phần hồ sơ gồm có:  a) Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này);  b) Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức trung gian, doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;  c) Bản chính thuyết minh nhiệm vụ theo Mẫu 02.TMNV-TCTG (đối với tổ chức trung gian), Mẫu 03.TMNV-DN (đối với doanh nghiệp) theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này;  d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực văn bản xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động.  **4.** Cách thức thực hiện:  a) Nộp hồ sơ  Tổ chức trung gian, doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:  Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ;  Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;  Nộp hồ sơ trực tuyến.  b) Trả kết quả  Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.  **5.** Thời hạn giải quyết: 60 (sáu mươi) ngày làm việc.  **6.** Cơ quan giải quyết:  a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.  b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ.  **7.** Kết quả thực hiện: Quyết định hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ.  **Điều 10. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo**  1. Trình tự thực hiện  a) Trước thời điểm kết thúc hợp đồng, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu về Sở Khoa học và Công nghệ.  Trong trường hợp bất khả kháng không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi hồ sơ đề nghị dừng triển khai nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ.  b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.  c) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ  Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện. Quy định về việc thành lập Hội đồng tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.  Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được đánh giá đạt yêu cầu, trong thời hạn 07 ngày làm việc, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến góp ý của Hội đồng (nếu có).  Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu xếp loại không đạt yêu cầu hoặc nhiệm vụ dừng thực hiện. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu tiến hành xác định nguyên nhân dẫn đến việc nhiệm vụ không hoàn thành hoặc dừng thực hiện.  d) Phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ  Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ (theo Mẫu 07.QĐCN tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).  Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu xếp loại không đạt yêu cầu hoặc nhiệm vụ dừng thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định về việc hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước và tiến hành thu hồi kinh phí hỗ trợ, cụ thể như sau:  Tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ số kinh phí của nhiệm vụ đã được cấp nhưng chưa sử dụng.  Đối với phần kinh phí của nhiệm vụ đã sử dụng:  Trường hợp do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc các nguyên nhân khách quan liên quan đến công nghệ, thị trường và các trường hợp khách quan khác theo ý kiến của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ): không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng;  Trường hợp do nguyên nhân chủ quan: Tổ chức chủ trì có trách nhiệm nộp hoàn trả ngân sách nhà nước 20% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng đúng quy định. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan và không chứng minh được kinh phí đã sử dụng đúng quy định: nộp trả 100% kinh phí đã sử dụng.  Căn cứ biên bản đánh giá, nghiệm thu của Hội đồng, Quyết định công nhận kết quả triển khai nhiệm vụ/Quyết định về việc hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng.  **2.** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.  **3.** Thành phần hồ sơ gồm có:  a) Bản chính văn bản đề nghị đánh giá, nghiệm thu/dừng thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 05.ĐNNT tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này);  b) Bản chính báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 06.BCKQ tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này);  c) Bản chính báo cáo quyết toán tình hình sử dụng kinh phí;  d) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến các sản phẩm trung gian theo thuyết minh nhiệm vụ và hợp đồng hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đã ký kết (nếu có).  **4.** Cách thức thực hiện:  a) Nộp hồ sơ: Tổ chức trung gian/doanh nghiệp nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:  Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ;  Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích;  Nộp hồ sơ trực tuyến.  b) Trả kết quả: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.  **5.** Thời hạn giải quyết: 30 (ba mươi) ngày làm việc.  **6.** Cơ quan giải quyết:  a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.  b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ.  **7.** Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc văn bản thông báo kết quả triển khai nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ. |
| **Điều 32. Quy trình, thủ tục hỗ trợ**  1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ thông qua các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa gửi Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều này thông qua hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến tới cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để xem xét, quyết định.  3. Đối với nội dung hỗ trợ tư vấn, công nghệ, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được thực hiện theo quy trình, thủ tục như sau:  a) Trong thời hạn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa xem xét hồ sơ, quyết định và có thông báo (bằng văn bản hoặc trực tuyến) cho doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không đủ điều kiện hỗ trợ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có thông báo để doanh nghiệp biết. Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ nhưng chưa đầy đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp doanh nghiệp đủ điều kiện hỗ trợ và đầy đủ hồ sơ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp, trong thông báo thể hiện rõ nội dung, kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ và kinh phí khác (nếu có).  b) Trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có khả năng cung cấp trực tiếp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:  Sau khi có thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng với doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành ký hợp đồng; trong hợp đồng phải thể hiện rõ phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, chi phí do doanh nghiệp nhỏ và vừa chi trả, chi phí khác (nếu có) và điều khoản thanh toán. Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện hợp đồng, hai bên nghiệm thu, thanh lý và thanh quyết toán chi phí hợp đồng theo quy định.  c) Trường hợp cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có năng lực cung cấp sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (gọi chung là bên cung cấp):  Sau khi có thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng với bên cung cấp và doanh nghiệp nhỏ và vừa tiến hành ký hợp đồng; trong hợp đồng phải thể hiện rõ phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ, chi phí do doanh nghiệp nhỏ và vừa chi trả, chi phí khác (nếu có) và điều khoản thanh toán. Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện hợp đồng, ba bên nghiệm thu, thanh lý và thanh quyết toán chi phí hợp đồng theo quy định.  d) Việc sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ của cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo các trường hợp tại điểm b, điểm c khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn liên quan.  4. Hồ sơ đề xuất nhu cầu hỗ trợ bao gồm:  a) Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa và đề xuất nhu cầu hỗ trợ theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;  b) Những tài liệu, hồ sơ liên quan đến nội dung đề xuất hỗ trợ (nếu có).  5. Hồ sơ thanh toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm:  a) Thông báo về việc hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;  b) Hợp đồng, thanh lý hợp đồng và nghiệm thu (nếu có) giữa doanh nghiệp nhỏ và vừa với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ hỗ trợ;  c) Các hóa đơn, chứng từ tài chính có liên quan. |  | **Điều 9. Trình tự, thủ tục xét, duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp (theo phương thức hỗ trợ sau)**  1. Việc thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp được thực hiện thành 02 đợt trong năm là quý II và quý IV hàng năm. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai về việc xét, duyệt hồ sơ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp.  2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ qua đường bưu điện hoặc trực tiếp về Sở Khoa học và Công nghệ. Thành phần hồ sơ gồm:  a) Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này);  b) Các hồ sơ minh chứng liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ:  - Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản photo Hợp đồng thuê sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, phòng thí nghiệm, phòng thử nghiệm kiểm định, giám định, khu làm việc chung; chứng từ minh chứng liên quan.  - Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản photo văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới.  - Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản photo công bố Tiêu chuẩn cơ sở/Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Việt Nam/quốc tế được cơ quan có thẩm quyền đánh giá và áp dụng tại doanh nghiệp; Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn; Danh sách sản phẩm được tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc quốc gia và chứng từ minh chứng liên quan.  - Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản photo hợp đồng, thanh lý hợp đồng, sản phẩm, bản photo Dự án đã được phê duyệt và biên bản nghiệm thu dự án và chứng từ minh chứng liên quan; Báo cáo kết quả hoạt động đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu 02.BCKQ-DN.  - Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 5 Điều 6 của Nghị quyết này: bản photo hợp đồng, thanh lý hợp đồng, báo cáo việc chứng từ liên quan; bản photo Dự án đã được phê duyệt và biên bản nghiệm thu dự án và chứng từ minh chứng liên quan; Báo cáo kết quả hoạt động đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp theo mẫu 02.BCKQ-DN.  - Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 6 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản sao có chứng thực văn bằng/chứng chỉ đào tạo, chứng từ chi cho đào tạo, huấn luyện chuyên sâu và các tài liệu minh chứng kèm theo (gồm: học phí, tài liệu, ăn, ở, đi lại – bao gồm vé máy bay).  - Đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại khoản 7 Điều 6 của Nghị quyết này: Bản sao có chứng thực hợp đồng, chứng từ và các tài liệu minh chứng kèm theo. Trong đó:  +  Đối với sàn thương mại điện tử trong nước: phí thanh toán, phí cố định và phí dịch vụ người bán phải trả cho sàn thương mại điện tử.  + Đối với sàn thương mại điện tử quốc tế: phí tài khoản người bán, phí giới thiệu, phí hoàn thiện đơn hàng, phí lưu kho, chi phí đăng ký mã vạch sản phẩm, chi phí thiết kế và chụp ảnh sản phẩm, chi phí quảng cáo trên sàn thương mại điện tử.  + Đối với hỗ trợ tham gia các cuộc thi quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo: phí, lệ phí tham gia cuộc thi; ăn, ở tại nước sở tại; đi lại (bao gồm vé máy bay); vận chuyển tài liệu, sản phẩm, trang thiết bị phục vụ tham gia cuộc thi.  3. Sở Khoa học và công nghệ tiếp nhận hồ sơ và thông báo bổ sung hồ sơ (nếu cần); trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, doanh nghiệp nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ.  4. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ trong vòng 30 ngày kể từ ngày ra quyết định thành lập. Thành phần tổ thẩm định gồm 07-09 thành viên, gồm: đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Ban Kinh tế - Ngân sách và các chuyên gia.  Đối với các trường hợp phức tạp, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức khảo sát thực tế và thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá kết quả thực hiện để đánh giá chuyên sâu trong vòng 30 ngày kể từ khi có đề nghị của Tổ thẩm định hồ sơ. Việc thành lập hội đồng, phương thức, nội dung làm việc, kết quả họp Hội đồng thực hiện theo Thông tư số 02/2015/TT-BKHCN ngày 06/3/2015 quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.  Căn cứ kết quả thẩm định/đánh giá trong vòng 10 ngày Sở Khoa học và Công nghệ ra quyết định hỗ trợ và chuyển kinh phí hỗ trợ cho doanh nghiệp (Mẫu 03.QĐHT). | Tham khảo Đà Nẵng và dựa trên tình hình thực tiễn. |  | **Điều 11. Trình tự, thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau**  **1.** Trình tự thực hiện  a) Nộp hồ sơ: Doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp về Sở Khoa học và Công nghệ. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 3 của Điều này.  b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.  c) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ  Trong 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ. Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, trong 05 (năm) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị doanh nghiệp bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan (nếu có). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 10 (mười) ngày làm việc. Quy định về việc thành lập Tổ thẩm định tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.  d) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp bổ sung hoàn thiện hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Quy định về việc thành lập Hội đồng tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này.  đ) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng đánh giá, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí (theo Mẫu 08.HTKP tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này), ký kết Hợp đồng hỗ trợ hoặc văn bản thông báo kết quả cho đơn vị đề xuất.  **2.** Số lượng hồ sơ: 01 bộ.  **3.** Thành phần hồ sơ:  a) Trường hợp doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo đề xuất hỗ trợ theo nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này hoặc tổng hợp nhiều nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này, thành phần hồ sơ bao gồm:  Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này);  Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;  Xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực);  Bản chính báo cáo kết quả phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu 06. BCKQ theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.  b) Trường hợp doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo đề xuất hỗ trợ một phần nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này, thành phần hồ sơ bao gồm:  Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này);  Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;  Xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực);  Bản chính báo cáo kết quả hoạt động thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo và các tài liệu minh chứng kèm theo đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này;  Bản chính báo cáo kết quả triển khai hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ và các tài liệu minh chứng kèm theo đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại tiết đầu tiên điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này;  Bản sao có chứng thực văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại tiết thứ hai điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này;  Bản sao có chứng thực Hợp đồng thuê sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án khởi nghiệp sáng tạo trong thời gian sử dụng dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này;  Báo cáo kết quả triển khai hoạt động sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này.  **4.** Cách thức thực hiện:  a) Nộp hồ sơ: Đơn vị đề xuất nhiệm vụ nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:  Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ;  Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích;  Nộp hồ sơ trực tuyến.  b) Trả kết quả: Trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.  **5.** Thời hạn giải quyết: 60 (Sáu mươi) ngày làm việc.  **6.** Cơ quan giải quyết:  a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ.  b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ.  **7.** Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ. |
|  |  | **Điều 10. Kinh phí thực hiện**  Kinh phí hỗ trợ được cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ, các tổ chức có liên quan tổ chức thực hiện và thanh quyết toán đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.  Định mức chi cho hoạt động đánh giá, thẩm định thực hiện theo quy định hiện hành của Hội đồng tư vấn, đánh giá nhiệm vụ khoa học công nghệ. | Tham khảo thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng và dựa trên tình hình thực tiễn. | **Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện**  Kinh phí thực hiện từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách Thành phố. | **Điều 12. Kinh phí thực hiện chính sách**  **1.** Nguồn kinh phí  Kinh phí thực hiện cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện và thanh quyết toán đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.  **2.** Nguyên tắc sử dụng kinh phí  a) Kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm chi cho các hoạt động hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo và chi cho công tác tổ chức thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, phù hợp với chủ trương, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của thành phố.  b) Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sử dụng kinh phí hỗ trợ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành. |
|  |  | **Điều 11. Tổ chức thực hiện**  **1.** Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:  a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định pháp luật; thực hiện hỗ trợ không hoàn lại cho các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo đúng tinh thần Nghị quyết số 226/2025/QH15, không để xảy ra trục lợi chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân và doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo tiết kiệm thời gian, chi phí. Thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả của chính sách này để kịp thời điều chỉnh, đảm bảo chính sách đạt được mục tiêu thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.  b) Cân đối bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.  c) Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm, chủ trì triển khai, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết.  d) Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết này tại các Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố cuối năm.  **2.** Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này. | Tham khảo thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và dựa trên tình hình thực tiễn. | **Điều 10. Tổ chức thực hiện**  1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố đảm bảo hiệu quả, công khai, minh bạch theo quy định pháp luật.  2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 11 năm 2023./. | **Điều 14. Tổ chức thực hiện**  **1.** Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm:  a) Cân đối bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật. Định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết này tại các Kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố cuối năm.  b) Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm, chủ trì triển khai, hướng dẫn thực hiện chính sách, tiếp nhận hồ sơ, xét chọn, thẩm định, phê duyệt và thực hiện công tác hỗ trợ các nội dung theo Nghị quyết. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng và ban hành các biểu mẫu làm việc của Hội đồng.  **2.** Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung chính sách, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.  **3.** Cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của các thông tin trong hồ sơ đề xuất hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo.  **4.** Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.  **5.** Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này đạt kết quả tốt.  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, Khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 13 tháng 12 năm 2024./. |
|  |  | **Điều 12. Điều khoản thi hành**  Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung Nghị quyết này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng quy định theo văn bản mới.  Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng, Khóa , nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026./. | Tham khảo Đà Nẵng và dựa trên tình hình thực tiễn. |  | **Điều 13. Điều khoản thi hành**  Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.  Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế. |